

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CỬ CHI  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1238/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 27-11-2020.

V/v Tranh chấp Ly hôn

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Hồng Ngọc

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Phạm Thị Ngọc

2. Bà Nguyễn Phước Trinh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Thanh Đức – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi tham gia phiên tòa:** Không tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 1213/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2020 về “ Tranh chấp Ly hôn ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 374/2020/QĐST-HNGĐ ngày 20/11/2020 giữa các đương sự:

*1/ Nguyên đơn:* Bà Trần Thị N, sinh năm: 1988 (có mặt).

*2/ Bị đơn:* Ông Nguyễn Thanh X, sinh năm: 1990 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Số 58, đường Nguyễn Văn H, Tổ 8, ấp B2, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện nộp ngày 30/9/2020, lời khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị N trình bày:

Tôi và ông Nguyễn Thanh X tự nguyện chung sống với nhau, được Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 05/12/2011.

Những năm đầu chung sống vợ chồng hạnh phúc nhưng sau đó vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chính phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng không thể có con, từ đó chồng tôi có người phụ nữ khác bên ngoài, thường xuyên không về nhà. Hai vợ chồng đã ly thân trên một năm nay. Nhận thấy đời sống chung hai vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, không đem lại hạnh phúc như mong muốn nên Tôi yêu cầu được ly hôn với ông X .

Về con chung: Không có con chung.

Tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà N tự nguyện chịu toàn bộ án phí.

**\* Tại phiên tòa ông Nguyễn Thanh X trình bày:**

Tôi thống nhất lời trình bày của bà N về thời gian và điều kiện kết hôn. Vợ chồng tôi chung sống không có con chung nên phát sinh nhiều mâu thuẫn, tôi thừa nhận có quan hệ với người phụ nữ khác và đã có con riêng nhưng vẫn còn thương vợ nên đề nghị được đoàn tụ.

Về con chung: Không có con chung.

Tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà N tự nguyện chịu toàn bộ án phí. Tôi đồng ý.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Quan hệ tranh chấp giữa ông bà Trần Thị N và ông Nguyễn Thanh X là “Tranh chấp về ly hôn” quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn trong vụ án là ông Nguyễn Thanh X hiện cư trú tại huyện C nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành hòa giải giữa hai bên nhưng không thành, do đó tiến hành đưa vụ án ra xét xử.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Trần Thị N và ông Nguyễn Thanh X chung sống có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 92/2011, quyển số: 01/2011 ngày 05/12/2011 của Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp cấp.

Bà N trình bày quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do hai vợ chồng không thể có con. Ông X ngoại tình với người phụ nữ khác bên ngoài, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng đến mức không thể cứu vãn được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông X.

Ông X trình bày vợ chồng có mâu thuẫn vì nguyên nhân chính là do hai vợ chồng không thể sinh con, ông cũng trình bày việc có quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài và đã có con riêng nhưng vì còn thương vợ nên ông không đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử, xét thấy: Bà N và ông X đã ly thân từ tháng 11/2019, đã không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Tại phiên tòa, ông X cũng thừa nhận có quan hệ với người phụ nữ khác và đã có con riêng. Do đó, cần thiết phải chấp nhận yêu cầu được ly hôn ông X của bà N.

[4] Về con chung: Không có con chung.

[5] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nghĩa vụ dân sự chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm là 300.000đ bà N phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp tạm ứng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị N là được ly hôn với ông Nguyễn Thanh X.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 92/2011, quyền số: 01/2011 ngày 05/12/2011 của Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Không có.

3. Tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà Trần Thị N phải chịu, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số: AA/2019/0084910 ngày 26/10/2020 của Chi Cục thi hành án Dân sự huyện C. Bà N đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn và bị đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện C;
- Chi Cục THADS H.C;
- UBND xã H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Hồng Ngọc**

